TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 22/2024/QĐST-KDTM	*B, ngày 03 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 19/2024/TLST-KDTM ngày 16 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- <u>Nguyên đơn</u>: Ngân hàng TMCP N

Địa chỉ trụ sở chính: 198 T, phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm V – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Đồng Nai. (Theo văn bản uỷ quyền ngày 15/6/2022).

Ông V uỷ quyền lại cho: Ông U - Chức vụ: Cán bộ thẩm định - Phòng giao dịch H (Theo văn bản uỷ quyền ngày 01/02/2024).

Địa chỉ: 79, H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- <u>Bị đơn</u>: Công ty TNHH MTV T

Địa chỉ: C12 đường N4, khu phố 2, phường B, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đoàn H – Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty.

Địa chỉ: Khu phố T, phường C, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh Đồng Nai.

- <u>Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:</u>

1/ Ông Phạm T, sinh năm 1968

Địa chỉ: 28/11B, tổ 3B, khu phố 1, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2/ Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1976

Địa chỉ: 28/11B, tổ 3B, khu phố 1, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Công ty TNHH MTV T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ khoản nợ (tạm tính đến ngày 25/6/2024) là 3.414.854.911 đồng (Ba tỷ, bốn trăm mười bốn triệu, tám trăm năm mươi tư nghìn, chín trăm mười một đồng), trong đó: Nợ gốc là 2.997.163.545 đồng (Hai tỷ, chín trăm chín mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm bốn mươi lăm đồng), nợ lãi là 280.834.198 đồng (Hai trăm tám mươi triệu, tám trăm ba mươi bốn nghìn, một trăm chín mươi tám đồng) và tiền lãi chậm trả lãi là 136.857.168 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn, một trăm sáu mươi tám đồng); ngoài ra Công ty TNHH MTV T tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 26/6/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

Trường hợp Công ty TNHH MTV T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 35, tờ bản đồ 07 tọa lạc tại khu phố T, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH644321 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/4/2017 cho bà Đoàn Thị T và ông Phạm T được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ngày 28/7/2021 theo hợp đồng thế chấp đã ký sẽ tiếp tục để đảm bảo thi hành án đối với khoản vay của Công ty TNHH MTV T tại Ngân hàng TMCP N theo quy định pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành thì Công ty TNHH MTV T tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí hòa giải thành là 50.149.000 đồng (Năm mươi triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.998.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn đồng) theo biên lai số 0001527 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự TP. B.

- Về chi phí tố tụng: Công ty TNHH MTV T hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) mà Ngân hàng đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoàng Phương